

Số : 241 /XNK-CBTT

An Giang, ngày 26 tháng 4 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK TP. HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

- Tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang
- Mã chứng khoán: **AGM**
- Địa chỉ trụ sở chính: 01 Ngô Gia Tự, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Điện thoại: 0296. 3842 625 / 9999 999 Fax: 0296. 3843 239.
- Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Huỳnh Thanh Tùng**
Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật
- Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ
 bất thường theo yêu cầu định kỳ.
- Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo Tài chính riêng và Báo cáo Tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2022.
2. Giải trình Lợi nhuận Quý 1 năm 2022 tăng so với Quý 1 năm 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang vào ngày 26/4/2022 tại địa chỉ: <http://www.angimex.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính riêng Quý 1 năm 2022.
- Báo cáo Tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2022.
- Công văn số 239/XNK-TCKT ngày 26/4/2022 về việc giải trình Lợi nhuận Quý 1 năm 2022 tăng so với Quý 1 năm 2021.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, Người được UQ CBTT.



Huỳnh Thanh Tùng

Số: 239./XNK-TCKT
(V/v giải trình lợi nhuận quý 1/2022 tăng so
với quý 1/2021)

An Giang, ngày 26 tháng 04 năm 2022

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.**

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang xin giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN quý 1 năm 2022 tăng so với cùng kỳ năm 2021 như sau:

1. Đối với BCTC riêng lẻ:

Trong quý 1, Công ty tiếp tục đẩy mạnh bán hàng xuất khẩu, ký kết các hợp đồng mới và tăng sản lượng tiêu thụ cung ứng xuất khẩu đã làm cho doanh thu trên BCTC riêng quý 1/2022 Angimex tăng 547.803 triệu đồng, tương ứng 205,5% so với cùng kỳ đã làm lãi gộp tăng mạnh 44.540 triệu đồng, tương ứng 732,5% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, Hiệu quả đầu tư tài chính cũng tăng mạnh, doanh thu hoạt động tài chính tăng 22.591 triệu đồng, tăng 1.568,5% so với cùng kỳ và Chi phí tài chính tăng 18.437 triệu đồng, tăng 982,1% ; lợi nhuận khác cũng tăng 4.335 triệu đồng, tương ứng 12.976,9% so với cùng kỳ. Đây là các nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận sau thuế tăng 2.604 triệu đồng, tăng 212,4% so với cùng kỳ.

2. Đối với BCTC hợp nhất:

Tương tự báo cáo riêng, doanh thu Ngành lương thực tăng mạnh ở tất cả các mảng như xuất khẩu, gạo nội địa và cung ứng đã làm doanh thu hợp nhất quý 1/2022 tăng 174,5% so với cùng kỳ, lợi nhuận gộp tăng 148,7%. Hiệu quả đầu tư tài chính tăng mạnh, trong đó Doanh thu hoạt động tài chính quý 1/2022 tăng 27.722 triệu đồng, tương ứng 1.829,9% so với cùng kỳ và Chi phí tài chính tăng 21.263 triệu đồng, tương ứng 981,8% , Đã làm cho lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 7.398 triệu đồng, tăng 285,8% so với cùng kỳ.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng				BCTC Hợp nhất			
	Quý 1/2022	Quý 1/2021	Chênh lệch	%	Quý 1/2022	Quý 1/2021	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần BH và CCDV	814.404	266.602	547.803	205,5	1.019.715	371.468	648.247	174,5
Giá vốn hàng bán	763.784	260.521	503.263	193,2	939.323	339.143	600.180	177,0
Lợi nhuận gộp	50.620	6.081	44.540	732,5	80.392	32.324	48.067	148,7
Doanh thu hoạt động tài chính	24.032	1.440	22.591	1.568,5	29.237	1.515	27.722	1.829,9
Chi phí tài chính	20.314	1.877	18.437	982,1	23.429	2.166	21.264	981,8
<i>Trong đó: lãi vay</i>	<i>11.053</i>	<i>1.737</i>	<i>9.316</i>	<i>536,4</i>	<i>12.777</i>	<i>1.951</i>	<i>10.826</i>	<i>554,8</i>
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK					-	-	-	
Chi phí bán hàng	44.302	1.149	43.153	3.755,2	65.739	22.651	43.087	190,2
Chi phí quản lý DN	9.618	2.994	6.624	221,2	12.723	5.481	7.242	132,1
Lợi nhuận từ hoạt động KD	418	1.500	(1.082)	(72,1)	7.738	3.541	4.196	118,5
Lợi nhuận khác	4.368	33	4.335	12.976,9	4.793	460	4.333	942,0
Tổng lợi nhuận trước thuế	4.786	1.534	3.252	212,1	12.530	4.001	8.529	213,1
Thuế TNDN	957	308	649	210,6	2.544	1.413	1.131	80,0
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.829	1.226	2.604	212,4	9.986	2.588	7.398	285,8

